TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/LĐ-ST
Ngày: 09-02-2026
"V/v Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Lê Thị Thanh Thủy

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh tham gia phiên toà:*** Ông Lã Hải Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 14/2025/TLST-LĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-LĐ ngày 23/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ M, khu N, phường C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Tập đoàn công nghiệp T

Địa chỉ: Dương Đình N, phường Y, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Vũ Anh T là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Tập đoàn công nghiệp T); ông Cao Việt P, Giám đốc Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền số 136/GUQ - TKV ngày 09/12/2025); ông Nguyễn Chí T, phó Giám đốc Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D, là người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn (giấy ủy quyền số 14587/GUQ - VDHC ngày 18/12/2025), vắng mặt (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Q

Địa chỉ: số H, đường H, phường H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp: ông Bùi Minh Đ là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ninh). Ông Nguyễn Huy T là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 131/UQ - BHXH ngày 05/8/2025), vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D

Địa chỉ: tổ N, khu T, phường Q, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp: ông Cao Việt P là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty). Ông Nguyễn Chí Trưởng, phó Giám đốc Chi nhánh T, Công ty than D, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (giấy ủy quyền số 14587/GUQ - VDHC ngày 18/12/2025), vắng mặt (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ N, khu N, phường C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Năm 1996 ông được biết Công ty than T có tuyển dụng công nhân hầm lò nên ông đã nộp hồ sơ xin việc tại Công ty. Trong thời gian đợi Công ty xét duyệt, ông đã đi làm tại nơi khác nên khi Công ty gọi đi học nghề để ký hợp đồng lao động, do đã có công việc ổn định nên ông đã nói chuyện với em trai là Nguyễn Văn N, sinh ngày 05/6/1976 mang toàn bộ giấy tờ cá nhân của ông đi học nghề và ký hợp đồng lao động với Công ty than T vào tháng 5/1997. Đến năm 1998 ông được biết Mỏ than D (nay là Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D - TKV) có tuyển dụng công nhân, nhưng do toàn bộ giấy tờ cá nhân của ông đã cho em trai mượn, nên ông đã mượn và được em trai đồng ý cho sử dụng toàn bộ hồ sơ, giấy tờ cá nhân của ông N để nộp hồ sơ xin việc vào Mỏ than D, đi học chương trình đào tạo nghề và sau đó ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 15/01/1999, được đóng bảo hiểm từ tháng 02/1999 đến tháng 6/2022.

Năm 2021, ông N đã thực hiện xong thủ tục thay đổi hồ sơ bảo hiểm về đúng tên thật của ông N tại Công ty than T, còn hồ sơ của ông vẫn chưa làm được thủ tục đổi tên. Nhận thấy việc mượn giấy tờ của mình như trên là không đúng quy định pháp luật nên ông đã làm việc với Công ty than D -TKV về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 18/7/2022, ông và Công ty đã thực hiện việc chấm dứt hợp đồng lao động. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho ông và ông Nguyễn Văn N, ông đề nghị Toà án giải quyết: tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết ngày 15/01/1999 giữa ông Nguyễn Văn N với Mỏ than D (nay là Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty than D - TKV), (thực tế do ông Nguyễn Văn K ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định pháp luật. Ông tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại bản tự khai, bị đơn Tập đoàn công nghiệp T trình bày:

Ông Nguyễn Văn N, sinh ngày 05/6/1976 ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Mỏ Than D (nay là Công ty than D - TKV) theo hợp đồng ngày 15/01/1999; toàn bộ giấy tờ hồ sơ Công ty ký kết với ông Nguyễn Văn N: sơ yếu lý lịch; giấy chứng minh nhân dân; giấy khai sinh đều mang tên là Nguyễn Văn N.

Ông Nguyễn Văn N đã thực hiện hợp đồng lao động với Công ty từ ngày 15/01/1999 đến ngày 07/7/2022 ông N có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động theo nguyện vọng cá nhân và được Công ty chấp thuận tại bản thỏa thuận "về việc chấm dứt hợp đồng lao động" ngày 18/7/2022 và Quyết định số 1766/QĐ-VDHC-TCLĐ ngày 18/7/2022; được Công ty chi trả trợ cấp chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định pháp luật và bàn giao trả lại toàn bộ hồ sơ gốc cho ông N.

Bị đơn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để nguyên đơn giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo luật định; đồng thời, đề nghị giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D - TKV trình bày nội dung tương tự như của bị đơn, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và phiên tòa.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Q trình bày:

Ông Nguyễn Văn N, sinh ngày xx/x/xxx, được cấp sổ bảo hiểm xã hội (BHXH) số 2099018789, có thời gian đóng BHXH từ tháng 02/1999 đến tháng 7/2022 là 23 năm 4 tháng (trong đó tháng 5/2022 nghỉ ốm và tháng 7/2022 nghỉ không lương), có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) từ tháng 01/2009 đến tháng 4/2022 và tháng 6/2022 tại Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T Công ty than D - TKV, do BHXH tỉnh Q trực tiếp quản lý thu.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Q đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và phiên tòa.

- Ông Nguyễn Văn N trình bày toàn bộ quá trình về việc ông mượn giấy tờ cá nhân của anh trai là Nguyễn Văn K để ký kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty than T và ông cho ông K mượn giấy tờ cá nhân của ông để ông K ký kết hợp đồng lao động, làm việc tại Mỏ than D (nay là Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D - TKV) có nội dung tương tự như ông K đã trình bày. Năm 2021, ông đã làm xong thủ tục đổi tên từ Nguyễn Văn K về đúng tên ông là Nguyễn Văn N trên sổ bảo hiểm của ông tại Công ty than T. Ông đề nghị Tòa án giải quyết đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K; ông không có yêu cầu gì vì việc mượn tên của anh trai ông không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án; người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Nguyễn Văn N với Mỏ than D (nay là Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D - TKV) ngày 15/01/1999 (thực tế do ông Nguyễn Văn K ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông K

có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết ngày 15/01/1999 giữa ông Nguyễn Văn N với Mỏ than D (nay là Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D - TKV) ngày 15/01/1999 (thực tế do ông Nguyễn Văn K ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp T, Công ty than D - TKV có trụ sở tại phường Q, tỉnh Quảng Ninh. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về lao động và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh, theo khoản 5 Điều 32, Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: căn cứ lời khai, trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thể hiện: ông Nguyễn Văn K đã mượn bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở và giấy tờ cá nhân của em trai là ông Nguyễn Văn N, sinh ngày xx/x/xxxx để ký hợp đồng lao động ngày xx/x/xxxx với Mỏ than D (nay là Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D - TKV), vào làm việc tại Công ty và được đóng bảo hiểm xã hội mã số 2099018789 từ tháng 02/1999 đến tháng 07/2022, là không đúng chủ thể xác lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; nguyên tắc trung thực, nghĩa vụ cung cấp thông tin khi xác lập quan hệ lao động quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Nguyễn Văn N với Mỏ than D (nay là Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D - TKV) ngày 15/01/1999 (thực tế do ông Nguyễn Văn K ký) là vô hiệu toàn bộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: ông Nguyễn Văn K không trung thực khi ký kết hợp đồng lao động với Mỏ than D (nay là Chi nhánh Tập đoàn T, Công ty than D - TKV), nhưng trên thực tế ông K có làm việc tại Công ty từ tháng 02/1999, được cấp sổ BHXH số xxxxxxxxx, có thời gian đóng BHXH từ tháng 02/1999 đến tháng 7/2022 là 23 năm 4 tháng (trong đó tháng 5/2022 nghỉ ốm và tháng 7/2022 nghỉ không lương), có thời gian đóng BHTN từ tháng 01/2009 đến tháng 4/2022 và tháng 6/2022 tại Mỏ than D (nay là Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D - TKV), do BHXH tỉnh Quảng Ninh trực tiếp quản lý thu, dưới tên Nguyễn Văn N. Ngày 18/7/2022 Công ty than D - TKV đã ban hành quyết định số 1766/QĐ-VDHC-TCLĐ về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Văn N và trả trợ cấp chấm dứt hợp đồng lao động với số tiền là 52.415.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ- CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ, thì quyền, nghĩa vụ và lợi ích của ông Nguyễn Văn K được tính kể từ khi bắt đầu làm việc theo hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu. Do đó, giao cho

cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 05/6/1976 trên số sổ bảo hiểm xxxxxxxxxx thành tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 03/11/1973. Ông Nguyễn Văn K có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh thông tin theo quy định.

Đối với ông Nguyễn Văn N không có yêu cầu gì, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: nguyên đơn ông Nguyễn Văn K tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 32; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 2 Điều 20; điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 29 Luật Bảo hiểm xã hội; khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K:

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết ngày 15/01/1999 giữa ông Nguyễn Văn N với Mỏ than D (nay là Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp T, Công ty than D - TKV), (thực tế do ông Nguyễn Văn K ký) là vô hiệu.

Ông Nguyễn Văn K có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh thông tin nhân thân tại sổ bảo hiểm số 2099018789 từ tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 05/6/1976 thành tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 03/11/1973, căn cước công dân số 035073004883 do Cục Trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/11/2023 và có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn K chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002063 ngày 24/11/2025 tại Thi hành án dân tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Quảng Ninh
- Phòng THADS khu vực 3 - Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thu Đông